TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2026
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Nguyễn Thiện Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Huyền T, sinh năm 1982; CCCD số 0891820030868; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1981; CCCD số 089081026451; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T trình bày: Bà và ông T tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 09/5/2006. Thời gian

đầu chung sống rất hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T có hành vi bạo lực với bà, ngoài ra ông T còn dùng những lời thô tục để xúc phạm bà và gia đình bà. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân gia đình hai bên cũng không có thiện chí hàn gắn để bà và ông T về chung sống lại với nhau. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 05/3/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và tự lập nên bà T không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T và ông T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Theo Xác nhận thông tion cư trú ngày 28/11/2025 xác định ông Huỳnh Ngọc T vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

Theo nội dung biên bản xác minh người làm chứng ngày 28/11/2025: Nguyên nhân mâu thuẫn không xác định rõ, đến năm 2021 bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, trong thời gian bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì bà T và ông T không có thiện chí hàn gắn để hai người về chung sống lại với nhau.

Tại phiên tòa, bà T có mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền*:* Bà Lưu Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Ngọc T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Huyền T và ông Huỳnh Ngọc T kết hôn, chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 09/5/2006là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã lâu, trong thời gian sống ly thân bà T và ông T không có giải pháp hàn gắn, bỏ mặt tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên không có thiện chí hàn gắn để bà T và ông T về chung sống lại với nhau cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 05/3/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và tự lập nên bà T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lưu Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Huỳnh Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Huyền T.

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Huyền T được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc T.

Về án phí: Bà Lưu Thị Huyền T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí

theo biên lai thu số 0002863 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (bà T đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2026). Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS khu vực 15 - An Giang (2);
- THADS khu vực 15 - An Giang (1);
- UBND xã C (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc